TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **231**/2025/DS-ST
Ngày: 29/12/2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG THÁP

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Hiền**
2. Bà **Lê Thị Vân**
- Thư ký phiên toà: Bà **Phan Thị Diễm Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Ngày **29** tháng **12** năm **2025** tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2025/TLST-DS ngày 12/11/2025 về việc tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180A/2025/QĐXXST-DS ngày 22/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đoàn Cẩm T**, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Khu phố P, Phường N, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: 1/ Anh **Lương Văn H**, sinh năm 1976.
2/ Chị **Phạm Thị H1**, sinh năm 1974.
Cùng địa chỉ: Khu Phố P, Phường N, tỉnh Đồng Tháp.
(Chị T, anh H và chị H1 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 23/10/2025 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Cẩm T trình bày:

Anh H, chị H1 là chủ hụi trong năm 2023 và 2024 chị T có tham gia 02 dây hụi cụ thể như sau:

Dây thứ 01: Hụi 5.000.000 đồng khui ngày 07/5/2023, hụi tháng, gồm có 19 phần, chị T tham gia 03 phần, tiền hoa hồng đầu thảo là 2.000.000 đồng, chị T đóng hụi sống được 16 phần x 5.000.000 đồng x 03 phần = 240.000.000 đồng thì anh H và chị H1 ngưng không khui tiếp.

Dây thứ 02: Hụi 2.000.000 đồng khui ngày 30/5/2023, hụi tháng, gồm 27 phần, chị T tham gia 02 phần, tiền hoa hồng 800.000 đồng, chị T đóng hụi sống được 16 phần x 2.000.000 đồng x 02 phần = 64.000.000 đồng.

Do đó, nay chị T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc anh Lương Văn H và chị Phạm Thị H1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi 304.000.000 đồng (Ba trăm lẽ bốn triệu đồng), trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết cụ án bị đơn anh Lương Văn H trình bày:

Anh Lương Văn H là chồng của chị Phạm Thị H1, trước đây chị H1 là chủ hụi của nhiều dây hụi và chị T có tham gia chơi hụi của chị H1, tuy nhiên chị T tham gia bao nhiêu phần thì anh H không nắm được do việc tổ chức chơi hụi là do chị H1 tổ chức, anh H không có tham gia tổ chức cùng chị H1 nhưng thỉnh thoảng chị H1 có nhờ anh đi gom hụi giúp thì anh có đi một vài lần. Đến năm 2024 thì chị H1 bị bể hụi và chị H1 đã bỏ đi khỏi địa phương từ đó cho đến nay.

Nay anh H có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T như sau:

Anh H đồng ý cùng với vợ là chị H1 trả cho chị T số tiền nợ hụi là 304.000.000 đồng, tuy nhiên hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh H xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Bị đơn chị Phạm Thị H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Đoàn Cẩm T; bị đơn anh Lương Văn H và chị Phạm Thị H1 có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H và chị H1 là có căn cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn chị T yêu cầu anh H và chị H1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi 304.000.000 đồng (Ba trăm lẽ bốn triệu đồng), trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; Bị đơn anh H đồng ý trả số tiền hụi 304.000.000 đồng cho chị T, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng; Bị đơn chị H1 không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện.

[3] Xét, theo lời khai của anh H thừa nhận vợ chồng anh có làm đầu thảo hụi, chị T là hụi viên có tham gia chơi 02 dây hụi hiện còn nợ lại số tiền 304.000.000 đồng, nên lời thừa nhận nợ của anh H đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho chị H1, trong đó có nói rõ yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng chị H1 không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện vắng mặt trong các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và

vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên việc chị H1 vắng mặt là mặc nhiên chị đã thừa nhận đối với số nợ này của chị T, nên chị T khởi kiện yêu cầu anh H và chị H1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi 304.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ hụi, biêu, phường.

[4] Tại phiên tòa, do nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên hai bên không thỏa thuận được về thời gian trả số tiền hụi. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền trên do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, nên anh H và chị H1 phải liên đới chịu 304.000.000 đồng x 5% = 15.200.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ hụi, biêu, phường.

Xử:

1. Chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện chị Đoàn Cẩm T.

Buộc anh Lương Văn H và chị Phạm Thị H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đoàn Cẩm T số tiền hụi 304.000.000 đồng (Ba trăm lẽ bốn triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc anh Lương Văn H và chị Phạm Thị H1 liên đới chịu 15.200.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Đoàn Cẩm T số tiền 7.600.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007026 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Cẩm T, anh Lương Văn H, chị Phạm Thị H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe